

Số: 3468/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 04 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH****Quy định hệ số K làm cơ sở tính toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng  
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;**Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;**Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;**Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 2581/SNN&PTNT-CCKL ngày 30/11/2020.***QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định hệ số K làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng:

Hệ số K được xác định cho từng lô rừng và được tính bằng tích số của các hệ số K thành phần,  $K = K_1 \times K_2 \times K_3 \times K_4$ . Trong đó:

1. Hệ số  $K_1$  điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng, gồm rừng rất giàu và rừng giàu, rừng trung bình, rừng nghèo và rừng phục hồi. Hệ số  $K_1$  có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng rất giàu và rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo và rừng phục hồi. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Hệ số  $K_2$  điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được UBND tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số  $K_2$  có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất.

3. Hệ số  $K_3$  điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số  $K_3$  có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng.

4. Hệ số  $K_4$  điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số  $K_4$  có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với các xã thuộc khu vực I.

**Điều 2.** Phạm vi áp dụng: Hệ số K này được áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh phục vụ tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng kể từ năm 2020. Bãi bỏ nội dung quy định sử dụng hệ số K tại các Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh trước đây đã ban hành.

**Điều 3.** Giao Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan, tổ chức liên quan xác định hệ số K của các lô rừng để tính toán số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và thú rừng các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**